

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **1188** /2018/HNGĐ-ST
Ngày: 24-10-2018
V/v: *Ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Hoàng Thị Thanh Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Thanh Mai
2. Ông Bùi Ngọc Hiếu

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 24-10-2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 519/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 203/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 152/2018/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Hồng H, sinh năm 1982; Thường trú: ấp A, xã T, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp; Tạm trú : 505/22 T, phường Tân Quý, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Hoàng, sinh năm 1976; Thường trú: ấp A, xã T, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp; Tạm trú : 505/22 T, phường Tân Quý, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14-5-2018 và các lời khai tại Tòa án nhân dân quận Tân Phú, nguyên đơn bà Lê Thị Hồng H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn H tự nguyện chung sống với nhau năm 2003, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo Giấy Chứng nhận kết hôn số

119, quyển số 01 ngày 26-8-2004 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Lập Vò, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi cưới, vợ chồng thuê nhà ở tại quận Tân Phú cho đến nay.

Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông H không quan tâm chăm lo gia đình. Bà đã nhiều lần khuyên can nhưng ông H không thay đổi. Vợ chồng sống ly thân gần 02 năm, mỗi người ở một nơi không còn sự quan tâm, chăm sóc nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu ly hôn với ông H để ổn định cuộc sống.

Về quan hệ con chung: bà và ông H có hai con chung tên Nguyễn Hòa A, sinh ngày 02-10-2004 và Nguyễn Ngọc Gia H, sinh ngày 12-6-2011. Hiện tại trẻ Hòa A đang ở với ông H, trẻ Gia H đang ở với bà. Để không ảnh hưởng sinh hoạt hàng ngày của con chung nên khi ly hôn bà yêu cầu nuôi trẻ Gia H, giao trẻ Hòa A cho ông H nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung : Hai bên tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung : Không có.

Toà án đã tổ chức cho các bên hoà giải nhưng không tiến hành hoà giải được do ông H vắng mặt nên Toà án lập biên bản không tiến hành hoà giải được và đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Tại phiên toà hôm nay:

- Bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu trên.
- Ông H vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú phát biểu quan điểm:

- *Về việc tuân theo pháp luật :* Đương sự, Thư ký và Hội đồng xét xử đều tuân theo pháp luật được quy định tại Điều 48, Điều 51, Điều 63, Điều 203, Từ Điều 239 đến Điều 267 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án:* Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H. Về quan hệ con chung: Giao trẻ Nguyễn Hòa A, sinh ngày 02-10-2004 cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng, giao trẻ Nguyễn Ngọc Gia H, sinh ngày 12-6-2011 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà H và ông H do các bên không yêu cầu. Về quan hệ tài sản chung : Hai bên tự thỏa thuận giải quyết; Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 119, quyền số 01 ngày 26-8-2004 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp cấp cho bà H và ông H thì quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông H là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Ông H cư trú tại quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Nay bà H yêu cầu ly hôn, Toà án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là phù hợp với khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn: Toà án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên toà cho ông H theo quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông H vẫn vắng mặt. Do vậy Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu của các đương sự:

Ông H không có mặt tại toà án để trình bày lời khai, không tham dự các buổi hòa giải cũng như vắng mặt tại phiên toà hôm nay mặc dù đã được Toà án thực hiện các thủ tục tổng đạt hợp lệ. Do đó, toà án căn cứ những chứng cứ, yêu cầu của phía nguyên đơn để xem xét giải quyết vụ án.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà H yêu cầu ly hôn do ông H không quan tâm chăm lo cho gia đình, sống ly thân gần 02 năm. Theo xác minh tại địa phương thì hiện nay bà H và ông H không còn ở chung. Hội đồng xét xử xét thấy nguyên tắc cơ bản của hôn nhân là tự nguyện, mục đích của hôn nhân là “vợ chồng cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc”, trong trường hợp này giữa bà H và ông H đã có mâu thuẫn. Mặt khác, Toà án đã nhiều lần tổng đạt Giấy triệu tập đương sự, Thông báo hòa giải cho ông H tham gia các phiên hoà giải cũng như phiên toà hôm nay để tạo điều kiện hàn gắn nhưng ông H đều vắng mặt, điều đó thể hiện ông H hoàn toàn không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà H là có cơ sở và phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

- *Về quan hệ con chung:* có hai con chung tên Nguyễn Hòa A, sinh ngày 02-10-2004 và Nguyễn Ngọc Gia H, sinh ngày 12-6-2011. Xét, việc giao con chung cho ai là người trực tiếp nuôi dưỡng là dựa vào quyền lợi và nguyện vọng của con. Để đảm bảo lợi ích mọi mặt của con cũng như không ảnh hưởng sinh hoạt hàng ngày của các con khi bà H, ông H ly hôn, Hội đồng xét xử xét thấy giao trẻ Gia H cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, giao trẻ Hòa A cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của con và phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng cho bà H và ông H do các bên không yêu cầu.

- *Về quan hệ tài sản chung:* Các bên tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

- *Về nợ chung:* Ghi nhận lời khai của bà H vợ chồng không có.

[3] Về án phí

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà H đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0011139 ngày 24-5-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Hồng Hạnh.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Hồng H được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 119, quyển số 01 ngày 26-8-2004 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp cấp cho bà Lê Thị Hồng H và ông Nguyễn Văn H hết hiệu lực kể từ ngày bản án của tòa án có hiệu lực.

- Về quan hệ con chung: Khi ly hôn, giao trẻ Nguyễn Ngọc Gia H, sinh ngày 12-6-2011 cho bà H nuôi dưỡng, giao trẻ Nguyễn Hòa A, sinh ngày 02-10-2004 cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà H và ông H do các bên không yêu cầu.

+ Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu tòa giải quyết.

+ Bà H, ông H được quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

+ Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức (người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ), Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về quan hệ tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận giải quyết.

- Về nợ chung: Ghi nhận lời khai của bà H không có nợ chung.

2. Về án phí:

Bà Lê Thị Hồng H chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà H đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0011139 ngày 24-5-2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo.

Bà Lê Thị Hồng H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Văn H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ bản án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q. Tân Phú;
- Chi cục THADS Q. Tân Phú;
- UBND xã T, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu VP, hồ sơ (Thúy)/.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hoàng Thị Thanh Mai